TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUYÊN HOÁ
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 25-6-2019
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUYÊN HÓA - TỈNH QUẢNG BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đoàn Thị Bích Thuỷ
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Đinh Xuân Phầu
2. Ông Thái Thiên Lương

Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Nga – Thư ký Toà án nhân dân huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoa Huệ – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 92/2018/TLST - HNGĐ ngày 10/12/2018 về việc *"ly hôn"*

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2019/QĐST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Cao Xuân H - sinh năm: 1969
Địa chỉ: Thôn 1 B, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Bình (có mặt).
Bị đơn: Chị Nguyễn Thị B - sinh năm: 1974
Địa chỉ ĐKTT tại: Thôn 1 B, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Bình.
Hiện đang tạm trú tại: Số nhà 931, tổ 6 khu phố 7, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 20/7/2018, bản tự khai ngày 08/01/2019 trong quá trình giải quyết và tại phiên toà, anh Cao Xuân H trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị B kết hôn với nhau hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T vào ngày 12/12/1992. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại Thôn 1 B, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Bình. Đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do năm 2008 anh H đi làm ăn xa,

chị B ở nhà không chăm lo gia đình, con cái mà thường xuyên vắng nhà và tham gia đánh bạc. Đến cuối năm 2013 khi anh H trở về mặc dù đã được anh H khuyên răn nhiều lần, nhưng chị B vẫn không từ bỏ dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng lớn và kéo dài từ nhiều năm nay, vợ chồng đã sống ly thân với nhau. Hiện nay anh H vẫn ở tại địa phương còn chị B vào Nam làm ăn và sinh sống tại thành phố B, tỉnh Đ. Tình cảm vợ chồng hiện tại thực sự không còn nên anh H có nguyện vọng xin được ly hôn để ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung của vợ chồng: Theo lời trình bày của anh Cao Xuân H: Vợ chồng có 03 đứa con chung: Gồm con đầu là Cao Thị A – Sinh ngày 18/9/1993 bị bệnh bại não không nhận thức được và bị bại liệt phải nằm một chỗ, con thứ hai là Cao Văn D sinh ngày 20/11/1998 đã đủ trưởng thành hiện đang học tại Học viện âm nhạc Huế và con thứ ba là Cao Thị Cẩm L – sinh ngày 03/02/2003, đang học phổ thông trung học tại B – T. Hiện tại các con đang ở với anh H. Nay anh H có nguyện vọng xin được nuôi cháu Cao Thị Cẩm L và cháu Cao Thị A đã trưởng thành nhưng bị bại liệt, yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 01 triệu đồng.

Về tài sản và công nợ: Theo anh H trình bày: Vợ chồng tự thoả thuận với nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa sau khi thụ lý vụ án đã nhiều lần triệu tập các đương sự đến tại trụ sở Toà án và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải giữa các đương sự nhưng chỉ có mặt anh H còn chị B các lần triệu tập đều vắng mặt không có lý do, nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải cho các đương sự theo thủ tục được.

Anh H cung cấp thông tin cho toà án biết thì hiện nay chị Bình đang tạm trú tại số nhà 931 tổ 6 khu phố 7 phường L, TP B, tỉnh Đồng Nai.

Ngày 23 tháng 02 năm 2019 Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hoá đã có công văn và Quyết định uỷ thác thu thập chứng cứ gửi đến Toà án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ, yêu cầu Toà án nhân dân TP Biên Hoà thực hiện việc uỷ thác thu thập chứng cứ, lấy lời khai của chị Nguyễn Thị B tạm trú tại địa chỉ trên nhưng Toà án nhân dân thành phố Biên Hoà tỉnh Đồng Nai chưa thực hiện được việc uỷ thác thu thập chứng cứ thì ngày 02/6/2019 chị B trở về địa phương và gia đình, do vậy Toà án nhân dân huyện Tuyên Hoá đã trực tiếp đến tại Uỷ ban nhân dân xã T nơi có hộ khẩu thường trú của vợ chồng để lấy lời khai của chị Nguyễn Thị B và tiến hành hoà giải cho các đương sự.

Theo lời trình bày của chị B: Vợ chồng kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại xã T. Tình cảm vợ chồng bước đầu vui vẻ hạnh phúc và kéo dài cho đến tháng 6 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H đánh đập chị, giữa vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng lẫn nhau. Từ đó vợ chồng sống ly thân mỗi người mỗi nơi, chị đi làm ăn ở tỉnh Đồng Nai, còn anh H vẫn ở tại thôn 1 B xã T đến nay, tuy nhiên tình cảm vợ chồng giữa chị đối với anh H vẫn còn nên chị không nhất trí ly hôn theo yêu cầu của anh H. Cùng ngày Toà án đã tiến hành hoà giải nhằm giúp vợ chồng hàn gắn

tình cảm để trở lại đoàn tụ nhưng không có kết quả. Hai bên vẫn giữ nguyên quan điểm của mình, anh H có nguyện vọng xin được ly hôn vì tình cảm vợ chồng thực sự không còn, chị B không nhất trí ly hôn theo yêu cầu của anh H.

Về con chung của vợ chồng: Theo lời trình bày của chị B: Vợ chồng có ba con chung, con đầu là Cao Thị A – Sinh ngày 18/9/1993 bị bệnh bại não bẩm sinh dẫn đến bị bại liệt phải nằm một chỗ, không nhận thức được. Con thứ hai là Cao Văn D sinh ngày 20/11/1998 đã trưởng thành và con thứ ba là Cao Thị Cẩm L - sinh ngày 03/02/2003.

Qua hoà giải hai bên nhất trí, thoả thuận nếu vợ chồng ly hôn chị Nguyễn Thị B trực tiếp nuôi 2 con là Cao Thị A, sinh ngày 18/9/1993 bị bệnh bại liệt và con út là Cao Thị Cẩm L – Sinh ngày 03/02/2003, anh H nhất trí cấp dưỡng nuôi 2 con mỗi tháng 2 triệu đồng, cho đến khi cháu Cao Thị Cẩm L đủ tuổi trưởng thành, riêng cháu Cao Thị A cấp dưỡng suốt đời của cháu. Còn cháu Cao Văn D đã đủ tuổi trưởng thành hiện đang học đại học ở Huế, hai bên không phải thực hiện nghĩa vụ trực tiếp nuôi dưỡng nhưng sẽ có trách nhiệm chung đối với cháu.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị B trình bày: Không yêu cầu Toà án giải quyết. Nếu ly hôn anh H phải để lại toàn bộ tài sản cho chị và các con được sở hữu và sử dụng.

Về công nợ chung: Theo chị B trình bày: vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Cùng ngày Toà án nhân dân huyện Tuyên Hoá đã tiến hành xác minh tại thôn 1 B xã T, đại diện chính quyền thôn cho biết: Vợ chồng anh H và chị B quá trình chung sống không hạnh phúc, mỗi người sống mỗi nơi, chị B hiện đang đi làm ăn ở miền Nam còn anh H đang ở tại địa phương. Giữa vợ chồng thường xuyên cãi vã và xung đột lẫn nhau kể từ khi anh H đi làm ăn ở nước ngoài về, chị B do đánh bạc, nên mâu thuẫn vợ chồng kéo dài cho đến nay. Hiện tại vợ chồng đã sống ly thân, chị B là người theo đạo thiên chúa giáo nên không thể ly hôn, nhưng nay tình cảm vợ chồng không còn, nếu hàn gắn trở lại cũng không có kết quả vì đã nhiều lần vợ chồng đánh đập, mâu thuẫn lẫn nhau nên đề nghị Toà án giải quyết theo pháp luật.

Vợ chồng có 03 đứa con chung: Con gái đầu bị bệnh bại liệt phải nằm một chỗ, không thể đi lại được và được hưởng chế độ 202 của nhà nước, con trai thứ 2 đang học ở Huế và con gái út đang học cấp 3 B xã T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định: Anh Cao Xuân H và chị Nguyễn Thị B kết hôn với nhau trên cơ sở hai bên tự nguyện không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn vào ngày 12/12/1992 và có tổ chức lễ cưới. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc và kéo dài cho đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm cách sống, giữa vợ chồng thiếu trách nhiệm với nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã, xung đột lẫn

nhau, chị B tự ý bỏ nhà đi vào miền Nam và sinh sống tại thành phố B, tỉnh Đồng Nai, vợ chồng sống ly thân từ tháng 3 năm 2018 cho đến nay, hai bên bỏ mặc không quan tâm đến nhau nữa. Nay chị B trở về địa phương, nhưng giữa vợ chồng không cải thiện được mối quan hệ tình cảm để hàn gắn cuộc hôn nhân đã rạn nứt. Quá trình giải quyết chị B không có mặt tại toà án nên không thể tiến hành hoà giải cho vợ chồng được. Tại phiên toà hôm nay chị B có mặt nhưng không nhất trí ly hôn vì tình cảm vợ chồng vẫn còn. Anh Cao Xuân H có nguyện vọng xin được ly hôn vì tình cảm vợ chồng thực sự không còn nên không thể không thể trở lại đoàn tụ.

Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được hạnh phúc. Vợ chồng ly thân với nhau đã lâu làm cho tình cảm vợ chồng hiện tại thực sự không còn. Nếu kéo dài tình trạng vợ chồng như hiện nay sẽ không có lợi cho cả hai phía. Mặc dù chị B không nhất trí việc ly hôn với anh H, nhưng quá trình chung sống và bỏ đi cho đến nay không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn để níu kéo cuộc hôn nhân mà bỏ mặc cho tình trạng vợ chồng ngày càng trầm trọng. Do đó, nguyện vọng xin ly hôn của anh H là chính đáng cần chấp nhận và áp dụng khoản 1 Điều 51, điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để xử cho anh Cao Xuân H được ly hôn chị Nguyễn Thị B là hợp lý.

[2] Về con chung của vợ chồng: Hai bên thừa nhận: Vợ chồng có ba con chung, con đầu là Cao Thị A – Sinh ngày 18/9/1993 bị bệnh bại não bẩm sinh không nhận thức được và bị bại liệt phải nằm một chỗ, được hưởng trợ cấp 202 tiền ưu đãi hàng tháng của nhà nước, con thứ hai là Cao Văn Dũng sinh ngày 20/11/1998 đã trưởng thành đang học tại học viện âm nhạc Huế và con thứ ba là Cao Thị Cẩm L - sinh ngày 03/02/2003 đang học phổ thông trung học tại thôn B xã T.

Hai bên nhất trí, thoả thuận nếu vợ chồng ly hôn chị Nguyễn Thị B sẽ trực tiếp nuôi con đầu là Cao Thị A, sinh ngày 18/9/1993 bị bệnh bại liệt và con út là Cao Thị Cẩm L - Sinh ngày 03/02/2003, anh H nhất trí cấp dưỡng nuôi 2 con mỗi tháng 2 triệu đồng, cho đến khi cháu Cao Thị Cẩm L đủ tuổi trưởng thành, riêng cháu Cao Thị A cấp dưỡng nuôi cháu suốt đời. Còn cháu Cao Văn D – sinh ngày 20/11/1998 đã đủ tuổi trưởng thành, nên hai bên sẽ có trách nhiệm chung đối với cháu trong cuộc sống.

Hội đồng xét xử xét thấy: Sự thoả thuận của các bên về việc nuôi con chung là phù hợp, hiện nay chị B đã trở về địa phương và có nguyện vọng tha thiết xin được nuôi con, anh H nhất trí giao con cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy cần chấp nhận sự thoả thuận của các bên và cần áp dụng các Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình giao cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng cháu Cao Thị A, sinh năm 1993 và cháu Cao Thị Cẩm L, sinh năm. 2003. Buộc anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho cháu Cao Thị A và Cao Thị Cẩm L mỗi tháng 02 triệu đồng cho cả hai cháu kể từ tháng 7 năm 2019 cho đến lúc cháu Cao Thị Cẩm L đủ 18 tuổi và cấp dưỡng nuôi con suốt đời cho cháu Cao Thị A là phù hợp. Đối với

cháu Cao Văn D hiện đã đủ tuổi trưởng thành. Tuy nhiên hiện cháu đang theo học tại Học viện âm nhạc Huế nên vợ chồng phải có trách nhiệm chung đối với cháu trong cuộc sống và học tập của cháu.

[3] Về tài sản và công nợ chung : Anh H và chị B tự thoả thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí Dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Xuân H đã nộp tạm ứng án phí ly hôn số tiền 300.000đ theo biên lai số 0003681 ngày 10 tháng 12 năm 2018. Nay phải chịu toàn bộ án phí theo qui định của pháp luật.

[5] Án phí cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Cao Xuân H phải chịu 300.000 đồng theo qui định của pháp luật.

[6] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tuyên Hóa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng. Thẩm phán đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng Dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ quyền hạn của mình theo qui định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án đầy đủ tài liệu, chứng cứ cho Tòa án có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, hợp tác với Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn quá trình giải quyết vắng mặt nhưng tại phiên toà có mặt. Xét thấy yêu cầu được ly hôn của anh H là chính đáng vì mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, vợ chồng ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện về việc xin ly hôn giữa nguyên đơn là anh Cao Xuân H đối với bị đơn là chị Nguyễn Thị B và áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho anh Cao Xuân H được ly hôn chị Nguyễn Thị B.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 107, 110, 116, 117, các Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình xử: Giao cho chị Nguyễn Thị B trực tiếp nuôi dưỡng cháu Cao Thị A sinh năm 1993 nhưng bị bại liệt và cháu Cao Thị Cẩm L sinh năm 2003. Buộc anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với cháu Cao Thị Cẩm L cho đến lúc cháu tròn 18 tuổi và cấp dưỡng nuôi con suốt đời cho cháu Cao Thị A là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về quan hệ hôn nhân : Áp dụng khoản 1 Điều 51, điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử: Anh Cao Xuân H được ly hôn chị Nguyễn Thị B.

2. Về con chung: Áp dụng Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình xử: Giao cho chị Nguyễn Thị B được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Cao Thị A - Sinh ngày 18/9/1993 và cháu Cao Thị Cẩm L - Sinh ngày 03/02/2003. Buộc anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho cháu Cao Thị A mỗi tháng

1.000.000 đồng kể từ tháng 7 năm 2019 đến suốt cuộc đời của cháu và cấp dưỡng nuôi con cho cháu Cao Thị Cẩm L mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ tháng 7 năm 2019 cho đến lúc cháu L đủ 18 tuổi.

Không ai được ngăn cản việc đi lại trông nom, chăm sóc con chung, khi cần thiết vì quyền lợi của con, một trong hai bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và công nợ chung: Hai bên tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí Dân sự sơ thẩm: Anh Cao Xuân H phải chịu 300.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm nhưng anh H đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai số 0003681 ngày 10 tháng 12 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tuyên Hóa, nay được khấu trừ toàn bộ số tiền trên. Vậy anh H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh H phải chịu 300.000đ.

Án xử sơ thẩm công khai, có mặt nguyên đơn và bị đơn. Tuyên bố anh Cao Xuân H và chị Nguyễn Thị B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm**.**

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Đoàn Thị Bích Thủy

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tuyên Hoá;
- THADS huyện Tuyên Hoá;
- TAND tỉnh QB;
- UBND xã T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.